

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-6-2024.

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Tài

- Ông Lê Khắc Hiệp

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngn, sinh năm: 1997;

Địa chỉ: ấp Axã A, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Trần Hoàng Nh, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

(Chị Ng, anh Nh đều có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án chị Nguyễn Thị Ng trình bày:

Chị và anh Trần Hoàng Nh tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Thanh Phú ngày 26/7/2018, Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Ái N, sinh ngày: 12/9/2014 và Trần Thị Ái V, sinh ngày: 09/8/2017. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên không thể hàn gắn được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hoàng Nh.

- Về con chung: Hiện nay 02 con chung đang do anh Nh trực tiếp nuôi dưỡng và anh Nh có thỏa thuận với chị là để cho anh Nh trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý để chị được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung nên chị cũng

đồng ý. Nay tôi thay đổi ý kiến là đồng ý để con chung cho anh Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng, khi nào có điều kiện thì tôi vẫn chăm lo cho 02 con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 14/5/2024 chị Ng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Theo bản tự khai, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt anh Trần Hoàng Nh trình bày:

Tôi và chị Nguyễn Thị Ng tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã A ngày 26/7/2018, Quá trình sống có 02 con chung tên Trần Thị Ái N, sinh ngày: 12/9/2014, Trần Thị Ái V, sinh ngày: 09/8/2017. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên không thể hàn gắn được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị Ng.

- Về con chung: 02 con chung đang sống chung với tôi và tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng cho con đi học tại Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai nên tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 19/4/2024 anh Nh có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Trần Hoàng Nh có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã A, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ng và anh Trần Hoàng Nh đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[4] Về nội dung:

4.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ng và anh Trần Hoàng Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Thanh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/7/2018. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị Ng và anh Nh được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời gian chung sống chị Ng cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên không thể tiếp tục chung sống được, không thể hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Nh đến để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị. Tuy nhiên, anh Nh đồng ý ly hôn. Vì vậy, hôn nhân của chị Ng và anh Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ng là phù hợp. Chị Ng, anh Nh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên không xem xét.

4.2 Về con chung: Chị Ng và anh Nh có 02 con chung tên Trần Thị Ái N, sinh ngày: 12/9/2014 và Trần Thị Ái V, sinh ngày: 09/8/2017. Sau khi lấy ý kiến nguyện vọng của 2 con chung thì cháu N và cháu V đều có mong muốn được sống chung với cha, chị Ng và anh Nh đều thống nhất để con chung cho anh Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục nên được ghi nhận, anh Nh không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng và anh Nh đều trình bày không có nên không đề cập.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ng phải nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ng được ly hôn với anh Trần Hoàng Nh. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị Ng, anh Nh không có yêu cầu.

2. Về con chung: Anh Trần Hoàng Nh được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Thị Ái N, sinh ngày: 12/9/2014 và Trần Thị Ái V, sinh ngày: 09/8/2017. Anh Nh không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết, anh Nh, chị Ng có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng, anh Nh đều trình bày không có nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ng phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000039 ngày 29/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS;
- UBND xã A, huyện Thạnh Phú;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí